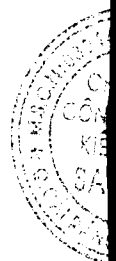


SCIC Chi nhánh phía Nam	
ĐẾN	13-04-2016
Số CV đến:	1119

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN
CAFATEX**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015**



Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex

MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị công ty hân hạnh trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Nguyễn Văn Kịch
- Ông Đào Quý Phúc
- Ông Lâm Thành Ghi
- Ông Trần Minh Thành
- Ông Nguyễn Văn Cường

Chức vụ

- Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Nguyễn Hữu Thiều
- Ông Nguyễn Văn Hoàng
- Bà Trần Kim Uyên
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương

Chức vụ

- Trưởng ban kiểm soát
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Nguyễn Văn Kịch
- Ông Lâm Thành Ghi
- Ông Nguyễn Văn Cường

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

4. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản xuất khẩu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm nông, thủy, súc sản qua chế biến, đóng gói, thực phẩm, hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối các loại vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ cho ngành nuôi trồng, khai thác, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản;
- Cung cấp dịch vụ thiết kế, lắp đặt, bảo trì thiết bị, máy móc, công cụ cơ điện lạnh cho các nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm xuất khẩu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu kinh doanh xuất nhập khẩu, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy súc sản.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 26.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

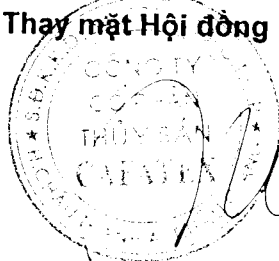
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Kịch

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hậu Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3526 1357 – 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

Số: 48/2016/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex ("Công ty"), được lập ngày 08 tháng 04 năm 2016, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

292/33/33 Bình Lợi, P.13 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 – 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, đường số 11, khu dân cư Công ty cổ phần xây dựng Tp.Cần Thơ, 3
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ.
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766 * Email: svc-ct@vnn.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



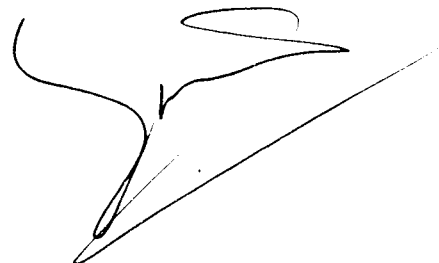
Nguyễn Quang Nhơn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 08 tháng 04 năm 2016



Đặng Thị Thiên Nga

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		516.476.154.073	491.522.392.247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.104.911.454	1.462.739.149
1. Tiền	111		1.104.911.454	1.462.739.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	80.171.378.756	54.772.455.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		65.370.541.728	39.614.544.284
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.884.023.779	14.073.841.106
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.425.855.819	1.593.112.223
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(509.042.570)	(509.042.570)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	434.079.683.412	434.074.420.728
1. Hàng tồn kho	141		434.079.683.412	434.074.420.728
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	1.120.180.451	1.212.777.327
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		456.965.588	461.976.851
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		617.602.317	750.800.476
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		45.612.546	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		144.747.286.331	152.649.978.194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		121.956.633.992	127.823.109.388
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	118.137.509.769	123.983.674.265
<i>Nguyên giá</i>	222		269.727.774.503	267.774.118.517
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(151.590.264.734)	(143.790.444.252)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	3.819.124.223	3.839.435.123
<i>Nguyên giá</i>	228		3.880.056.923	3.880.056.923
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(60.932.700)	(40.621.800)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	8.362.585.471	8.455.290.776
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.362.585.471	8.455.290.776
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.8	14.428.066.868	16.371.578.030
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14.428.066.868	16.371.578.030
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		661.223.440.404	644.172.370.441

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		562.676.566.573	546.891.303.803
I. Nợ ngắn hạn	310		560.568.036.373	543.741.846.373
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	84.949.250.360	33.207.953.602
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.183.115.326	925.313.282
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		-	227.466.191
4. Phải trả người lao động	314		3.112.916.932	2.456.185.387
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	416.324.473	354.528.730
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.084.773.255	1.313.515.765
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	474.309.984.746	509.689.500.135
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(4.488.328.719)	(4.432.616.719)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.108.530.200	3.149.457.430
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	2.108.530.200	3.141.936.800
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	7.520.630
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

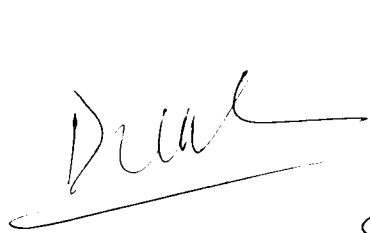
Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

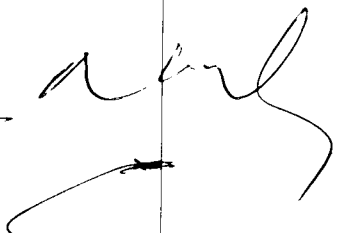
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

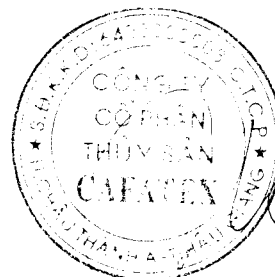
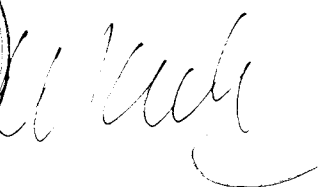
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		98.546.873.831	97.281.066.638
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	98.546.873.831	97.281.066.638
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		98.809.600.000	98.809.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		98.809.600.000	98.809.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.117.667.674)	(1.117.667.674)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		17.934.300.572	17.934.300.572
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		423.000.000	423.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.502.359.067)	(18.768.166.260)
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		(21.385.007.976)	(21.337.316.226)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.882.648.909	2.569.149.966
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		661.223.440.404	644.172.370.441



Trần Thị Ngọc Dung
Người lập biểu



Trần Minh Thành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Kịch
Tổng Giám đốc

Lập ngày 08 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	424.636.270.688	611.572.217.786
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	62.870.960	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		424.573.399.728	611.572.217.786
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	346.883.600.392	535.680.215.638
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		77.689.799.336	75.892.002.148
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.731.623.341	3.113.850.069
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	48.375.747.435	38.331.046.940
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.395.435.797	28.975.449.620
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	12.265.836.065	16.774.903.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	17.275.448.207	18.993.406.846
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.504.390.970	4.906.495.401
11. Thu nhập khác	31	VI.8	376.197.760	566.320.863
12. Chi phí khác	32	VI.9	5.460.451	26.835.255
13. Lợi nhuận khác	40		370.737.309	539.485.608
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.875.128.279	5.445.981.009
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	333.112.371
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(7.520.630)	8.853.343
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.882.648.909</u>	<u>5.104.015.295</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.281	2.600
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Trần Thị Ngọc Dung
Người lập biểuTrần Minh Thành
Kế toán trưởngNguyễn Văn Kịch
Tổng Giám đốc

Lập ngày 08 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		403.323.328.600	630.617.582.857
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(774.609.484.233)	(700.158.973.433)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.453.227.266)	(32.342.775.395)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(27.335.218.244)	(28.975.449.620)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(266.396.647)	(73.689.617)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		485.933.469.805	167.824.695.399
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.327.420.809)	(20.705.352.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.265.051.206	16.186.038.149
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.343.349.756)	(2.569.709.832)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	57.455.361
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.792.355	6.034.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.337.557.401)	(2.506.220.049)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CAFATEX

Địa chỉ: Km 2081, Quốc lộ số 1A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

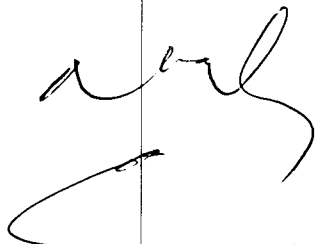
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

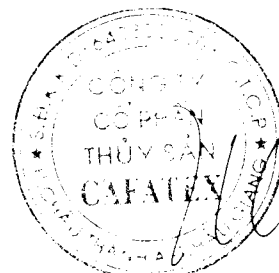
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.478.362.918.548	1.742.133.030.031
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.520.601.025.681)	(1.756.433.660.146)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(42.238.107.133)	(14.300.630.115)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(310.613.328)	(620.812.015)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.462.739.149	2.083.551.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(47.214.367)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.104.911.454	1.462.739.149



Trần Thị Ngọc Dung
Người lập biểu



Trần Minh Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kịch
Tổng Giám đốc
Lập ngày 08 tháng 04 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Thủy sản Cafatex được thành lập do chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước, Xí nghiệp Chế biến Thủy súc sản xuất khẩu Cần Thơ, thành công ty cổ phần theo Quyết định số 209/QĐ-CT.UB ngày 27/02/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000003 ngày 02/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 11/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 98.809.600.000 đồng.

Cổ đông	Số CP	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
- SCIC (Vốn Nhà nước)	286.548	28.654.800.000	29,0%
- Cổ đông khác	701.548	70.154.800.000	71,0%
Cộng	988.096	98.809.600.000	100,0%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là: 98.809.600.000.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất chế biến thủy sản

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nuôi trồng, khai thác, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản xuất khẩu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối sản phẩm nông, thủy, súc sản qua chế biến, đóng gói, thực phẩm, hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu và phân phối các loại vật tư, thiết bị, máy móc, công cụ cho ngành nuôi trồng, khai thác, chế biến, đóng gói nông, thủy, súc sản;
- Cung cấp dịch vụ thiết kế, lắp đặt, bảo trì thiết bị, máy móc, công cụ cơ điện lạnh cho các nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm xuất khẩu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu kinh doanh xuất nhập khẩu, thu mua, chế biến, đóng gói nông, thủy súc sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và số dư của các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2015 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản thu phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian khấu hao ước tính

- 51 - 74 năm
- 22 năm
- 22 năm
- 22 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Chính, thu nhập của doanh nghiệp từ chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN. Các hoạt động khác chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ giá trị lợi thế thương mại, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản ước tính là 10 năm.

Công ty phân bổ lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hóa với thời gian phân bổ 10 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển ... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và số chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	201.929	3.406.183
Tiền gửi ngân hàng	1.104.709.525 (a)	1.459.332.966
Cộng	1.104.911.454	1.462.739.149

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vietcombank, Chi nhánh Cần Thơ (USD)	124.293.078	778.495.401
- BIDV, Chi nhánh Tây Nam (USD)	33.054.033	401.205.674
- BIDV, Chi nhánh Tây Nam (VND)	717.206.501	-
- Các ngân hàng khác (VND)	97.645.809	112.862.382
- Các ngân hàng khác (USD, EUR, JPY)	132.510.104	166.769.509
Cộng	1.104.709.525	1.459.332.966

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	65.370.541.728 (b)	39.614.544.284
Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.884.023.779 (c)	14.073.841.106
Phải thu ngắn hạn khác	1.425.855.819 (d)	1.593.112.223
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(509.042.570) (e)	(509.042.570)
Cộng	80.171.378.756	54.772.455.043

(b) Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	53.170.827.821	36.404.368.680
- Zensho Trading Ltd	10.522.584.400	-
- Ooo " Os.A-Trade "	9.169.447.470	9.169.447.470
- Calkins And Burke	2.937.720.792	7.468.996.821
- Seahawk Marine Foods	7.758.922.050	-
- Hanwa - Japan	3.481.995.000	-
- Tri Star Trading Co.	3.641.563.314	-
- Kyo Kuyo Co., Ltd.	-	4.594.344.840
- Primex(Bnp Pakisbas)	-	4.498.148.340
- Fruits De Mer La Inc.	-	2.737.198.298
- Albion Fisheries Ltd.	-	2.437.913.885
- Food Choice Co.	1.046.955.750	2.440.112.296
- Các khách hàng nước ngoài khác	13.827.237.870	2.223.141.518
- Các khách hàng trong nước khác	784.401.175	835.065.212
Phải thu khách hàng - các bên liên quan	12.199.713.907	3.210.175.604
- Công ty TNHH Đồng Bằng Xanh	10.086.046.395	2.135.685.004
- Công ty TNHH Sản xuất Trí Hưng	2.113.667.512	1.074.490.600
Cộng	65.370.541.728	39.614.544.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ban quản lý các khu công nghiệp Hậu Giang	11.630.986.000	11.630.986.000
- Công ty TNHH KT CD M&E	642.110.550	642.110.550
- DNTN Việt Bảo	620.939.570	620.939.570
- Các khách hàng khác	989.987.659	1.179.804.986
Cộng	13.884.023.779	14.073.841.106

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu người lao động (BHXH, BHYT, BHTN)	126.404.720	183.692.130
- Tạm ứng	681.072.335	791.032.092
- Khoản hỗ trợ lãi suất chưa nhận được	566.288.917	566.288.917
- Phải thu khác	52.089.847	52.099.084
Cộng	1.425.855.819	1.593.112.223

(e) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số dự phòng</u>
- Nợ quá hạn trên 3 năm	509.042.570	100%	509.042.570
Cộng			509.042.570

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.135.332.926 (f)	6.187.270.685
Công cụ, dụng cụ	1.082.927.007 (g)	969.205.081
Thành phẩm	426.861.423.479 (h)	426.917.944.962
Cộng	434.079.683.412	434.074.420.728

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất:

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu chính (tôm)	26.790.026	49.318.331
- Vật liệu phụ	150.723.522	160.201.424
- Nhiên liệu	9.812.337	18.870.742
- Vật tư thay thế	277.373.519	284.567.423
- Vật liệu và thiết bị xây dựng	134.681.846	100.496.392
- Bao bì đóng gói	2.114.895.779	1.979.459.558
- Vật liệu phòng công nghệ	3.396.114.838	3.531.485.901
- Vật liệu khác	24.941.059	62.870.914
Cộng	6.135.332.926	6.187.270.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

(g) Chi tiết số dư công cụ, dụng cụ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ cho bộ phận sản xuất	1.082.927.007	969.205.081
Cộng	1.082.927.007	969.205.081

(h) Chi tiết số dư thành phẩm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thành phẩm thủy sản các loại	426.861.423.479	426.917.944.962
Cộng	426.861.423.479	426.917.944.962

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	456.965.588 (i)	461.976.851
Thuế GTGT được khấu trừ	617.602.317	750.800.476
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	45.612.546	-
Cộng	1.120.180.451	1.212.777.327

(i) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí bảo hiểm	105.000.000	90.151.515
- Thuế nhập khẩu tạm nộp	351.965.588	371.825.336
Cộng	456.965.588	461.976.851

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	267.774.118.517	1.953.655.986	-	269.727.774.503
- Nhà cửa, vật kiến trúc	91.094.485.035	1.953.655.986	-	93.048.141.021
- Máy móc thiết bị	146.388.894.554	-	-	146.388.894.554
- PT vận tải, TB truyền dẫn	29.006.375.791	-	-	29.006.375.791
- Thiết bị quản lý	1.284.363.137	-	-	1.284.363.137
Hao mòn lũy kế	143.790.444.252	7.799.820.482	-	151.590.264.734
- Nhà cửa, vật kiến trúc	28.846.039.197	1.555.515.502	-	30.401.554.699
- Máy móc thiết bị	94.755.558.939	5.099.573.444	-	99.855.132.383
- PT vận tải, TB truyền dẫn	19.638.698.884	1.087.821.633	-	20.726.520.517
- Thiết bị quản lý	550.147.232	56.909.903	-	607.057.135
Giá trị còn lại	123.983.674.265			118.137.509.769
- Nhà cửa, vật kiến trúc	62.248.445.838			62.646.586.322
- Máy móc thiết bị	51.633.335.615			46.533.762.171
- PT vận tải, TB truyền dẫn	9.367.676.907			8.279.855.274
- Thiết bị quản lý	734.215.905			677.306.002

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 35.596.937.286
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 46.629.454.208
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.953.655.986
Cộng	1.953.655.986

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	7.799.820.482
Cộng	7.799.820.482

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	3.880.056.923	-	-	3.880.056.923
- Quyền sử dụng đất	3.778.502.423	-	-	3.778.502.423
- Phần mềm kế toán	101.554.500	-	-	101.554.500
Hao mòn lũy kế	40.621.800	20.310.900	-	60.932.700
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	40.621.800	20.310.900	-	60.932.700
Giá trị còn lại	3.839.435.123			3.819.124.223
- Quyền sử dụng đất	3.778.502.423			3.778.502.423
- Phần mềm kế toán	60.932.700			40.621.800

Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	20.310.900
Cộng	20.310.900

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm TSCĐ	5.767.465.924	5.767.465.924
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.595.119.547	2.687.824.852
Cộng	8.362.585.471	8.455.290.776

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	14.428.066.868 (j)	16.371.578.030
Cộng	14.428.066.868	16.371.578.030

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị lợi thế thương mại	431.061.639	646.592.460
- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.420.300.819	8.923.864.893
- Chi phí sửa chữa tài sản	6.576.704.410	6.801.120.677
Cộng	14.428.066.868	16.371.578.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

9. Phải trả người bán

- Trần Mỹ Thanh
- Công ty TNHH Thủy sản Hoàng Võ
- DNTN Hồng Duyên
- Cơ sở In Duy Nhật
- Các nhà cung cấp khác
- Cộng**

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
79.095.175.491	29.772.405.388
1.595.902.249	343.337.469
1.071.389.160	456.377.884
624.466.920	141.326.460
2.562.316.540	2.494.506.401
84.949.250.360	33.207.953.602

10. Người mua trả tiền trước

- Enasia Import Export
- OOO 'Istok' Ltd
- OOO "Profibusiness"
- Blu Seafood Incorp.
- Các khách hàng khác
- Cộng**

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
419.301.056	416.321.350
159.936.682	158.800.113
152.798.410	151.712.569
224.719.661	-
226.359.517	198.479.250
1.183.115.326	925.313.282

11. Chi phí phải trả

- Trích trước chi phí lãi vay
- Cộng**

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
416.324.473	354.528.730
416.324.473	354.528.730

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

- Kinh phí công đoàn
- BHXH, BHYT, BHTN
- Phải trả khác
- Cộng**

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
274.991.499	391.867.905
389.419.952	572.454.130
420.361.804	349.193.730
1.084.773.255	1.313.515.765

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**Vay ngắn hạn bằng VND**

- BIDV, Chi nhánh Tây Nam

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
190.475.260.146	78.392.179.110
190.475.260.146	78.392.179.110

Vay ngắn hạn bằng USD

- Vietcombank, Chi nhánh Cần Thơ
- SHB, Chi nhánh Cần Thơ
- SHB, Chi nhánh Cần Thơ (vay chiết khấu)
- BIDV, Chi nhánh Tây Nam
- BIDV, Chi nhánh Tây Nam (vay chiết khấu)

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
283.834.724.600	431.297.321.025
119.928.578.000	139.605.542.400
153.091.680.000	170.978.625.000
1.036.840.000	2.586.375.000
202.860.000	102.241.370.250
9.574.766.600	15.885.408.375
474.309.984.746	509.689.500.135

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**Vay dài hạn bằng VND**

- Vietcombank, Chi nhánh Cần Thơ

Số cuối năm**77.000.000**

77.000.000

Số đầu năm**341.000.000**

341.000.000

Vay dài hạn bằng USD

- Vietcombank, Chi nhánh Cần Thơ

Cộng**2.031.530.200**

2.031.530.200

2.800.936.800

2.800.936.800

2.108.530.200**3.141.936.800****15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển
Số dư đầu năm trước	98.809.600.000	(1.117.667.674)	17.934.300.572	423.000.000
Số dư đầu năm nay	98.809.600.000	(1.117.667.674)	17.934.300.572	423.000.000
Số dư cuối năm nay	98.809.600.000	(1.117.667.674)	17.934.300.572	423.000.000

Số dư đầu năm trước**Lợi nhuận sau thuế
chưa phân phối****(21.337.316.226)**

Lãi trong năm trước

5.104.015.295

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

(2.534.865.329)

Số dư đầu năm nay**(18.768.166.260)**

Lãi trong năm nay

3.882.648.909

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

(2.616.841.716)

Số dư cuối năm nay**(17.502.359.067)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- SCIC (Vốn Nhà nước)

Số cuối năm**28.654.800.000**

- Cổ đông khác

70.154.800.000

Cộng**98.809.600.000****Số đầu năm**

28.654.800.000

70.154.800.000

98.809.600.000

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: 0

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn đầu năm	-	-
- Vốn góp tăng trong năm	98.809.600.000	98.809.600.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn cuối năm	98.809.600.000	98.809.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

d. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	988.096	988.096
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	988.096	988.096
+ Cổ phiếu phổ thông	988.096	988.096
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	988.096	988.096
+ Cổ phiếu phổ thông	988.096	988.096
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000

e. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thành phẩm	409.028.042.712	598.221.613.518
- Doanh thu hoạt động khác (phụ phẩm)	15.608.227.976	13.350.604.268
Cộng	424.636.270.688	611.572.217.786

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	62.870.960	-
Cộng	62.870.960	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm	332.069.719.244	523.172.025.370
- Giá vốn hoạt động khác (phụ phẩm)	14.813.881.148	12.508.190.268
Cộng	346.883.600.392	535.680.215.638

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	5.792.355	6.034.422
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.725.830.986	2.800.647.819
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	307.167.828
Cộng	3.731.623.341	3.113.850.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

5. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	27.395.435.797	28.975.449.620
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.213.224.253	7.867.959.092
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.767.087.385	1.487.638.228
Cộng	48.375.747.435	38.331.046.940
6. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.669.488.194	12.405.362.982
- Chi phí bằng tiền khác	1.596.347.871	4.369.540.048
Cộng	12.265.836.065	16.774.903.030
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	9.749.969.562	10.537.250.424
- Chi phí vật liệu quản lý	232.233.708	226.200.958
- Chi phí khấu hao TSCĐ	77.220.817	56.786.776
- Thuế, phí và lệ phí	147.636.287	228.454.391
- Chi phí dự phòng	-	365.470.455
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.644.826.473	2.195.472.980
- Chi phí bằng tiền khác	4.423.561.360	5.383.770.862
Cộng	17.275.448.207	18.993.406.846
8. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu bán phế liệu	322.598.362	333.323.000
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	53.599.398	62.916.846
- Các khoản thu khác	-	170.081.017
Cộng	376.197.760	566.320.863
9. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	5.460.451	26.517.982
- Chi phí khác	-	317.273
Cộng	5.460.451	26.835.255
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	-	333.112.371
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	333.112.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)	(18.768.166.260)
Lợi nhuận trước thuế năm nay (2)	3.875.128.279
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)	254.162.275
- Chi phí không được trừ theo quy định	254.162.275
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4)	-
Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4)	4.129.290.554
- Lợi nhuận được miễn thuế TNDN	4.129.290.554
Thuế TNDN (6)	(7.520.630)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(7.520.630)
Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6)	(14.885.517.351)
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.616.841.716
Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(17.502.359.067)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.882.648.909	5.104.015.295
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.616.841.716)	(2.534.865.329)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông	1.265.807.193	2.569.149.966
- Số CP phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	988.096	988.096
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.281	2.600

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có**
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.**
- Thông tin về các bên liên quan: không có.**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

Số đầu năm và số năm trước một số khoản mục trên Báo cáo tài chính được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, chi tiết như sau:

	Mã số	Số cuối năm trước đã trình bày (31/12/2014)	Số đầu năm nay trình bày lại (01/01/2015)
<u>Bảng cân đối kế toán</u>			
Các khoản phải thu khác	136	802.080.131	1.593.112.223
Tài sản ngắn hạn khác	155	791.032.092	-
<u>Báo cáo kết quả kinh doanh</u>			
Thu nhập khác	31	623.776.224	566.320.863
Chi phí khác	32	84.290.616	26.835.255
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.166	2.600

5. Thông tin về hoạt động liên tục

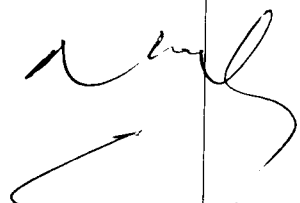
Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Thay đổi chính sách kế toán

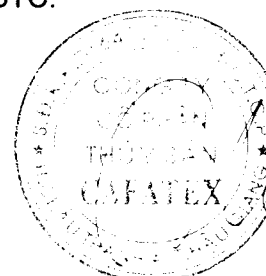
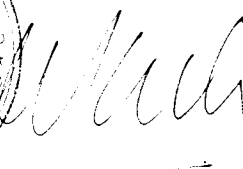
Ngày 22/12/2014 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



Trần Thị Ngọc Dung
Người lập



Trần Minh Thành
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Kịch
Tổng Giám đốc
Hậu Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2016


DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH

NGƯỜI GỬI / FROM:

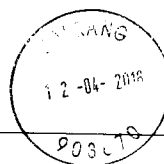
 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN
CAFATEX
 Km 2081, Quốc Lộ 1 - Châu Thành A - T.HG
 MST: 1800158710

Tel:

BẢO PHÁT

250g / 25873

ARGHI SỐ


 NGƯỜI NHẬN / TO: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
 VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC CHI DẪNH KHU VỰC
 PHÍA NAM, Đ/c: 16 Trương Định, phường 6,
 Quận 3, TP. HCM

Tel: (08) 39 33 38 18 - (0905669696 Chi Trang)

 CÔNG TY CỔ PHẦN CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN
 VNPOST EXPRESS JOINT STOCK COMPANY
 Hotline: 1900 54 54 33 / Website: www.ems.com.vn